

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 02 – 2026
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Kim Thị Sà Mết

Ông Tăng Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Tào Diệu Như, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 353/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Hồng D, sinh ngày 02/6/1986, Căn cước công dân số: 095186009138 cấp ngày 09/8/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Ấp G, xã H, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Út B, sinh ngày 01/01/1970. Địa chỉ: Ấp G, xã H, tỉnh Cà Mau.

(Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 9 năm 2025, Biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 12 năm 2025, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hồng D trình bày:

Chị Huỳnh Thị Hồng D và anh Nguyễn Út B tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Ngày 04/7/2008, chị D và anh B kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Cà Mau). Trong quá trình chung sống với nhau chị D và anh B có hai người con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/7/2012 và Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 19/5/2008. Hiện nay, hai cháu Nguyễn Duy K và Nguyễn Thị Diễm T đang sống cùng với chị Huỳnh Thị Hồng D. Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh B không thể tiếp tục nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Hồng D yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Út B.

Về con chung: Có 02 con chung, tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/7/2012 và Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 19/5/2008. Hiện nay, hai cháu Nguyễn Duy K và Nguyễn Thị Diễm T đang sống cùng với chị D. Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Nguyễn Duy K và Nguyễn Thị Diễm T.

Về cấp dưỡng: Chị Huỳnh Thị Hồng D không yêu cầu anh Nguyễn Út B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Út B: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Nguyễn Út B đến Tòa án làm việc, nhưng anh B không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Hồng D cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc nên không thể ghi nhận ý kiến. Mặt khác, Tòa án có đến nhà ghi ý kiến nhưng anh B từ chối làm việc với Tòa án và không đồng ý nhận bất kỳ văn bản tố tụng nào của Tòa án (Tòa án lập Biên bản không ghi nhận được ý kiến của anh B ngày 29/12/2025 – Bút lục số 29). Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị Huỳnh Thị Hồng D cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy

định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Hồng D, cho chị Huỳnh Thị Hồng D được ly hôn với anh Nguyễn Út B.

Về con chung: Chị Huỳnh Thị Hồng D và anh Nguyễn Út B có 02 người con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/7/2012 và Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 19/5/2008. Tiếp tục giao hai cháu cho chị Huỳnh Thị Hồng D được nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Nguyễn Út B không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Chị Huỳnh Thị Hồng D không yêu cầu anh Nguyễn Út B cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Hồng D và anh Nguyễn Út B tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Huỳnh Thị Hồng D yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Út B và hiện nay anh Nguyễn Út B đang cư trú tại ấp G, xã H, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo yêu cầu của đương sự nêu trên nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”.

[1.3] Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hồng D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Út B đã được Tòa

án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Huỳnh Thị Hồng D và anh Nguyễn Út B.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Hồng D, thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Hồng D và anh Nguyễn Út B tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Ngày 04/7/2008, chị D và anh B kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Cà Mau) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2008, quyển số 03, ngày 04/7/2008 nên hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Hồng D và anh Nguyễn Út B là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Huỳnh Thị Hồng D yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Út B với lý do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị D và anh B đã tự chấm dứt quan hệ chung sống với nhau và sống ly thân với nhau cách nay nhiều năm cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị D và anh B đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 29/12/2025 (Bút lục số 28), Trưởng ấp G, xã H, tỉnh Cà Mau xác định tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh B hiện nay không còn chung sống với nhau do mâu thuẫn.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng: *“Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”*

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân muốn tồn tại bền vững phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, hôn nhân giữa chị D và anh B thực tế đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể giải quyết, cuộc sống chung giữa chị D và anh B đã không còn và không thể duy trì. Điều này cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh B đã không còn có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh B, không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do đó, căn cứ theo Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị D được ly hôn với anh B.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau, chị D và anh B có hai người con chung tên Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/7/2012 và Nguyễn

Thị Diễm T, sinh ngày 19/5/2008. Hiện nay, hai cháu Nguyễn Duy K và Nguyễn Thị Diễm T đang sống cùng với chị D. Ngoài ra, chị D và anh B không còn con chung, con nuôi nào khác.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Trong vụ án này, chị D và anh B không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, cụ thể: Chị D yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Duy K và cháu Nguyễn Thị Diễm T.

Tại thời điểm giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Duy K và cháu Nguyễn Thị Diễm T đã đủ 07 tuổi trở lên và tại bản tự khai của cháu Nguyễn Duy K và cháu Nguyễn Thị Diễm T (Bút lục số 26) có nguyện vọng được sống cùng với chị D và hiện nay hai cháu Nguyễn Duy K và cháu Nguyễn Thị Diễm T cũng đang sống chung với chị D. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu Nguyễn Duy K và cháu Nguyễn Thị Diễm T, đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn môi trường sống của các cháu ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm sinh lý của các cháu. Nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, tiếp tục giao hai cháu Nguyễn Duy K và cháu Nguyễn Thị Diễm T cho chị D được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp.

Anh Nguyễn Út B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị D và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Chị D và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hồng D; Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Huỳnh Thị Hồng D phải chịu. Chị Huỳnh Thị Hồng D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007080 ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Hồng D. Cho chị Huỳnh Thị Hồng D được ly hôn với anh Nguyễn Út B.

2. Về con chung: Chị Huỳnh Thị Hồng D đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 14/7/2012 và Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 19/5/2008 nên được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Duy K và Nguyễn Thị Diễm T.

Anh Nguyễn Út B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng: Chị Huỳnh Thị Hồng D không yêu cầu anh Nguyễn Út B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Hồng D và anh Nguyễn Út B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị Hồng D và anh Nguyễn Út B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Huỳnh Thị Hồng D phải chịu. Chị Huỳnh Thị Hồng D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007080 ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
- TAND tỉnh Cà Mau; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**
TÒA
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Kiều Anh